TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 -8-2018
V/v: " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng .

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Quốc Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: " Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1983.
HKTT: Tổ 20, khu K, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
Chỗ ở: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai
-***Bị đơn***: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ 20, khu K, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.
(chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày : Chị và anh Nguyễn Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, đến năm 2005 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT, chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh A thường sử dụng ma túy, sau khi chấp hành án phạt tù về nhà được vài tháng, anh A lại tiếp tục phạm tội và

bị bắt nên chị thấy anh A không tu chí làm ăn, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh A.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 20/12/2004. Hiện cháu đang sống với chị, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2018 anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Anh và chị T tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn LT, huyện LT, trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân là do anh ăn chơi, vợ khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe. Chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 20/12/2004, hiện cháu đang sống cùng chị T, anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Anh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chị T xin ly hôn, anh A đồng ý, vợ chồng đã ly thân nhau không bàn bạc đoàn tụ được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Con chung: Chị T và anh A có 01 con chung, anh A đồng ý để chị T nuôi con nên giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không xét.

Tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Anh Nguyễn Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 451 ngày 26/9/2005) nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 8, 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị T xin ly hôn, anh A đồng ý, nguyên nhân mâu thuẫn do anh A ăn chơi, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, chị T và anh A đã tự sống ly thân với nhau . Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị T được ly hôn anh A.

[3] Về con chung: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu là cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 20/12/2004.

Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh A đồng ý để chị T nuôi con. Cháu T1 đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu T1 có nguyện vọng được sống với chị T. Vì vậy giao cháu T1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Anh T1, sinh ngày 20/12/2004 cho chị Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Nguyễn Hoàng A không phải cấp dưỡng nuôi con .

Anh Nguyễn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

3. Tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 002410 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Lê Thị Cẩm T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. LT.
-THA H. LT.
-Các đương sự.
-UBND thị trấn LT, H. LT,
Tỉnh Đồng Nai.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Liên